



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO
Địa chỉ: Tổ 12 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0281) 6286786 Fax: (0281) 3875021
Email: narihamico@gmail.com Website: www.narihamico.vn

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. Lịch sử hoạt động của Tổng Công ty

- Tên doanh nghiệp : TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO
- Tên giao dịch quốc tế : NARI HAMICO MINERALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : NA RI HAMICO JSC
- Trụ sở chính : Tổ 12 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Điện thoại : 0281.3 875 734
- Fax : 0281. 3 875 021
- Chi nhánh Hà nội : Số 74F3 Khu đô thị mới Đại Kim - Hoàng Mai - HN
- Điện thoại : 04.3 540 1288
- Website : www.narihamico.vn
- Vốn điều lệ : 118.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán : KSS

1. Những sự kiện quan trọng

+ Việc thành lập và chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico tiền thân là doanh nghiệp tư nhân Sơn Trang, sau đó được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng Sơn Trang vào ngày 12/01/2004 và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico Hamico vào ngày 16 tháng 10 năm 2009.

+ Ngày 04/01/2010 Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch là KSS.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng dân dụng, đường giao thông, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng, xây lắp hệ thống cấp thoát nước, xây dựng các công trình kỹ thuật khác;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan,...)
- Khai thác quặng vàng, bạc;
- Sản xuất gạch bằng lò Tuynel;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, sản xuất điện (thủy điện), truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát sỏi; dịch vụ khoan nổ mìn, khai thác, chế biến các loại đá;

2.2. Tình hình hoạt động

a. Tình hình hoạt động tại các mỏ:

- Mỏ Vàng Nà Làng: Tính đến cuối năm 2009 công tác chuẩn bị, lắp đặt dây chuyền khai thác đã hoàn thành. Quý 1 năm 2010, Mỏ vàng Nà Làng đã thực hiện khai thác, thu được sản lượng 100kg vàng sa khoáng, đạt giá trị 64 tỷ đồng.
- Mỏ Sắt Pù ỏ: Là nguồn thu chính của Tổng công ty trong năm 2009, tại thời điểm hiện tại (quý 1 năm 2010), Mỏ đang khai thác ổn định và đạt năng suất, sản lượng ổn định.
- Mỏ thạch anh (Silic): Đóng góp hơn 20 tỷ đồng doanh thu trong năm 2009.
- Mỏ Chì kẽm đa kim, Cốc lốt: Đang hoàn thiện thủ tục xin cấp phép khai thác.
- Mỏ Nephelin - Syenit: Đang hoàn thiện thủ tục cấp phép khai thác.

b. Hoạt động tại các công trường:

- Công trường chợ Bắc Kạn: Tính đến quý 1 năm 2010, phần Chợ chính đã cơ bản xong phần thô, đang tiến hành xây dựng phần kiốt, dự kiến cuối năm 2010 công trình sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Công trường Cáp Trạng: Cơ bản xong phần nền đường và đang thi công phần hạ bộ cầu L=18m.
- Công trình Đường Lào Cai: Đang triển khai công tác phát tuyến di dời cọc tim mốc và chuẩn bị nhân lực, máy móc thiết bị thi công.

- Các công trình khác: Đang triển khai theo đúng tiến độ thi công đã đề ra.

c. Hoạt động Marketing và xây dựng thương hiệu.

Trong năm 2009, Tổng Công ty đã thực hiện tốt hệ thống nhận diện thương hiệu và phát huy hiệu quả rất lớn trong công tác xây dựng hình ảnh Tổng công ty thông qua việc thực hiện tài trợ cho một số chương trình xã hội, ủng hộ người nghèo.

Đặc biệt, qua việc hoàn thiện thủ tục đăng ký niêm yết trên sàn Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2009, giao dịch cổ phiếu KSS ngày đầu tiên 04/01/2010, Tổng Công ty đã bước sang một thời kỳ phát triển mới, nâng cao hình ảnh và vị thế cạnh tranh của mình trên thương trường.

d. Hoạt động xúc tiến đầu tư và quan hệ nhà đầu tư:

Trong năm qua, Tổng Công ty đã không ngừng mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư để kiến thiết các cơ hội kinh doanh mới. Tổng Công ty đã có nhiều cuộc tiếp xúc, làm việc với đại diện các Tổng Công ty, Tập đoàn trong nước và ngoài nước nhằm tìm hiểu, trao đổi, xác định triển vọng hợp tác đầu tư một số dự án.

Ngoài ra, để tăng cường công tác quan hệ nhà đầu tư và minh bạch hóa thông tin doanh nghiệp, Tổng Công ty thường xuyên cung cấp thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư khi có yêu cầu.

e. Công tác quản trị nhân sự & đào tạo:

Tính đến 31/12/2009 tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.156 người trong đó: Biên chế chính thức 150; số còn lại là hợp đồng mùa vụ và thông qua các đội trưởng quản lý và tuyển dụng.

Theo thời gian, đội ngũ nhân viên của Tổng Công ty không ngừng được củng cố và phát triển về cả chất lượng và số lượng. Từng bộ phận và bản thân mỗi CBCNV không ngừng rèn luyện, học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Đến nay, trên 95% cán bộ nhân viên Tổng Công ty có trình độ từ cao đẳng trở lên, số còn lại được Tổng Công ty khuyến khích và tạo điều kiện để tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tổng Công ty chủ trương tiếp tục chú trọng hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng nhân viên, phục vụ hiệu quả cho hoạt động SXKD.

f. Hoạt động của các bộ phận:

Phòng Tài chính – Kế toán

Năm 2009, Phòng tiếp tục duy trì việc liên hệ tốt với Ngân hàng, đáp ứng việc thanh toán kịp thời, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả. Phòng đã làm tốt công tác hạch toán nhanh và chính xác, tổ chức tốt các khâu hạch toán theo chuẩn mực kế toán mới và đúng niên độ. Giữ được tốt mối quan hệ với

các đơn vị chủ quản và các cơ quan quản lý Nhà nước. Bảo vệ thành công quyết toán năm 2008 và đợt thanh tra của tổng cục Thuế.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, lưu trữ hồ sơ, tài liệu Tổng công ty đúng qui chế, qui định;

Tuyển dụng, đào tạo nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

Thực hiện trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công việc cho các Phòng ban, Nhà máy/công trường.

Vận dụng tốt các chế độ chính sách về lao động, tiền lương cho cán bộ công nhân viên;

Làm tốt công tác hậu cần của Tổng Công ty.

Thực hiện tốt công tác mua, giải quyết bảo hiểm y tế, bảo hiểm con người, bảo hiểm xe máy, bảo hiểm công trình.

Phòng Kế hoạch - kỹ thuật

Thực hiện tốt công tác lập hồ sơ đề xuất, hồ sơ đấu thầu, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, phương án thi công từng hạng mục, công trình.

Lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Thực hiện tốt công tác kế hoạch cho toàn Tổng công ty;

Thực hiện tốt công tác thẩm định kỹ thuật và quản lý chất lượng công trình.

Phòng vật tư – xe máy

Làm tốt công tác quản lý, bảo dưỡng định kỳ xe máy, đảm bảo máy móc thiết bị tại các công trường luôn hoạt động ổn định liên tục;

Xây dựng, thực hiện tốt kế hoạch và cung ứng vật tư đáp ứng tiến độ thực tế tại các nhà máy/công trường.

3. Định hướng phát triển

Trong năm 2010, Tổng Công ty đạt mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 241,9 tỷ đồng. Trong các năm tiếp theo, Tổng Công ty sẽ phát huy tiềm năng trong lĩnh vực khai khoáng và mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như xây dựng, bất động sản, đầu tư tài chính,...Phân đầu trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh trong tương lai.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Kết quả hoạt động năm 2009

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT cùng sự nỗ lực của tập thể Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm 2009 Tổng Công ty đã phấn đấu thực hiện và đạt một số kết quả như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Mức độ hoàn thành (%)
Doanh thu	200.000.000.000	190.840.268.946	95%
Lợi nhuận trước thuế	44.440.000.000	36.733.623.937	83%
Lợi nhuận sau thuế	32.000.000.000	30.305.239.748	95%

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Hoàn tất việc tăng vốn và niêm yết cổ phiếu KSS của Tổng Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Lắp đặt, hoàn thiện dây chuyền, máy móc và công tác chuẩn bị cho mỏ vàng Nà Làng đi vào hoạt động.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Nhu cầu về các loại quặng nói chung trong nước và trên thế giới vẫn ngày một tăng cao cùng với sự phát triển kinh tế, do đó dự báo thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Tổng Công ty là rất rộng mở.
- Với việc sở hữu nhiều mỏ có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao, Tổng Công ty cố gắng phát huy tối đa các dự án khai khoáng, tạo tiền đề phát triển các lĩnh vực khác trong tương lai.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Về doanh thu: Tổng doanh thu thực hiện năm 2009 là 190,8 tỷ đồng, so với kế hoạch 200 tỷ đồng đạt tỷ lệ 95,4% kế hoạch, so với doanh thu năm trước 25 tỷ đồng, tăng 7,64 lần.
- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2009 là 36,73 tỷ đồng, so với kế hoạch năm 44,44 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 83% kế hoạch, so với năm trước 2,3 tỷ đồng, tăng gần 16 lần.
- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2009 là 30,3 tỷ đồng so với kế hoạch năm 32 tỷ đồng đạt tỷ lệ 95%, so với cùng kỳ năm trước là 1,71 tỷ đồng, Tăng 17,72 lần.

- Tổng tài sản: 428,1 tỷ đồng.
- Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn là 260,7 tỷ đồng, chiếm 60,9% trong tổng tài sản của Tổng Công ty.
- Nợ phải trả: Nợ phải trả là 277,37 tỷ đồng tăng 5,73 lần so với đầu năm. Trong đó tăng chủ yếu ở khoản nợ dài hạn và phải trả người bán.
- Vay nợ ngắn hạn 53,64 tỷ đồng, tăng 1,26 lần so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tính đến ngày 31/12/2009 là 149,17 tỷ đồng; Trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu là 118 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 7%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 15,9 %
- Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu: 5.472 đồng
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 16,18 nghìn đồng.
- Tổng số cổ phiếu (cổ phiếu phổ thông): 11.800.000 CP.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	190.840.268.946	24.874.683.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	190.840.268.946	24.874.683.342
4. Giá vốn hàng bán	11	20	139.972.625.144	19.057.698.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		50.867.643.802	5.816.984.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	982.445.116	3.689.277
7. Chi phí tài chính	22	22	10.541.929.172	1.330.107.360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.541.929.172	1.330.107.360
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.574.535.809	2.095.077.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		36.733.623.937	2.395.489.086
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	87.583.466
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(87.583.466)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.733.623.937	2.307.905.620

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.428.384.189	597.747.556
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	60		30.305.239.748	1.710.158.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.472.7	495.7

Năm 2009, Tổng Công ty gặt hái được thành công bước đầu trong việc đầu tư sang lĩnh vực khai khoáng. Doanh thu từ lĩnh vực khai khoáng chiếm tỉ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu của năm 2009, mang lại sự tăng trưởng vượt trội so với năm 2008. Điều đó đã khẳng định việc Tổng Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh, khai thác khoáng sản là hoàn toàn đúng đắn và có cơ sở, tạo tiền đề cho việc phát triển Tổng Công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành khai khoáng.

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

DVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		260.687.092.931	51.140.305.079
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.413.692.510	899.529.071
1. Tiền	111		8.413.692.510	899.529.071
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130	6	121.737.800.173	14.397.620.006
1. Phải thu khách hàng	131		109.469.310.536	13.654.181.104
2. Trả trước cho người bán	132		11.717.073.038	-
5. Các khoản phải thu khác	135		551.416.599	743.438.902
IV. Hàng tồn kho	140	7	124.547.286.156	26.953.236.077
1. Hàng tồn kho	141		124.547.286.156	26.953.236.077
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.988.314.092	8.889.919.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.564.414.585	4.592.498.946
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	147.420.979
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.423.899.507	4.150.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		167.405.714.686	34.244.446.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		156.571.395.903	33.597.786.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	139.661.015.168	21.261.434.533
- Nguyên giá	222		152.006.361.247	28.815.832.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.345.346.079)	(7.554.398.306)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	541.000.000	541.000.000
- Nguyên giá	228		541.000.000	541.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	16.369.380.735	11.795.352.305
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.100.000.000	300.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	12	10.100.000.000	300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		734.318.783	346.659.797
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	734.318.783	346.659.797
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		428.092.807.617	85.384.751.714

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		277.372.572.760	48.421.223.587
I. Nợ ngắn hạn	310		205.825.201.489	47.421.223.587
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	53.645.042.099	42.408.000.000
2. Phải trả người bán	312		125.001.437.507	3.966.300.925
3. Người mua trả tiền trước	313		15.344.377.852	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.479.687.992	590.286.926
5. Phải trả công nhân viên	315		860.003.993	456.635.736
6. Chi phí phải trả	316	16	2.494.652.046	-
II. Nợ dài hạn	330		71.547.371.271	1.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	71.547.371.271	1.000.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	18	150.720.234.857	36.963.528.127
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		149.171.732.984	36.881.755.224
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	34.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.545.785.962	-
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		3.030.523.975	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.595.423.047	2.381.755.224
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.548.501.873	81.772.903
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.548.501.873	81.772.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		428.092.807.617	85.384.751.714

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009***ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	190.840.268.946	24.874.683.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	190.840.268.946	24.874.683.342
4. Giá vốn hàng bán	11	20	139.972.625.144	19.057.698.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		50.867.643.802	5.816.984.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	982.445.116	3.689.277
7. Chi phí tài chính	22	22	10.541.929.172	1.330.107.360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.541.929.172	1.330.107.360
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.574.535.809	2.095.077.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		36.733.623.937	2.395.489.086
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	87.583.466
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(87.583.466)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.733.623.937	2.307.905.620
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.428.384.189	597.747.556
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.305.239.748	1.710.158.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.472.7	495.7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.733.623.937	2.307.905.620
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.790.947.773	2.425.320.441
- Chi phí lãi vay	06		10.541.929.172	2.737.204.436
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.066.500.882	7.470.430.497
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(110.764.079.674)	(2.740.448.876)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(97.594.050.079)	(5.023.402.219)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		137.934.033.147	7.281.520.237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.640.425.375	(1.063.813.287)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.541.929.172)	(2.737.204.436)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.447.723)	(402.969.303)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		703.233.191	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(134.985.919)	(391.257.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.702.299.972)	2.392.855.603
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.750.395.075)	(6.933.207.932)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.800.000.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		982.445.116	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.567.949.959)	(7.233.207.932)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	9.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	148.979.224.570	10.692.541.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.194.811.200)	(15.239.997.557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.784.413.370	4.952.543.643
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	7.514.163.439	112.191.314
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	899.529.071	787.337.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	8.413.692.510	899.529.071

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACA).
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.
- Các nhận xét đặc biệt: không có.

2. Kiểm toán nội bộ

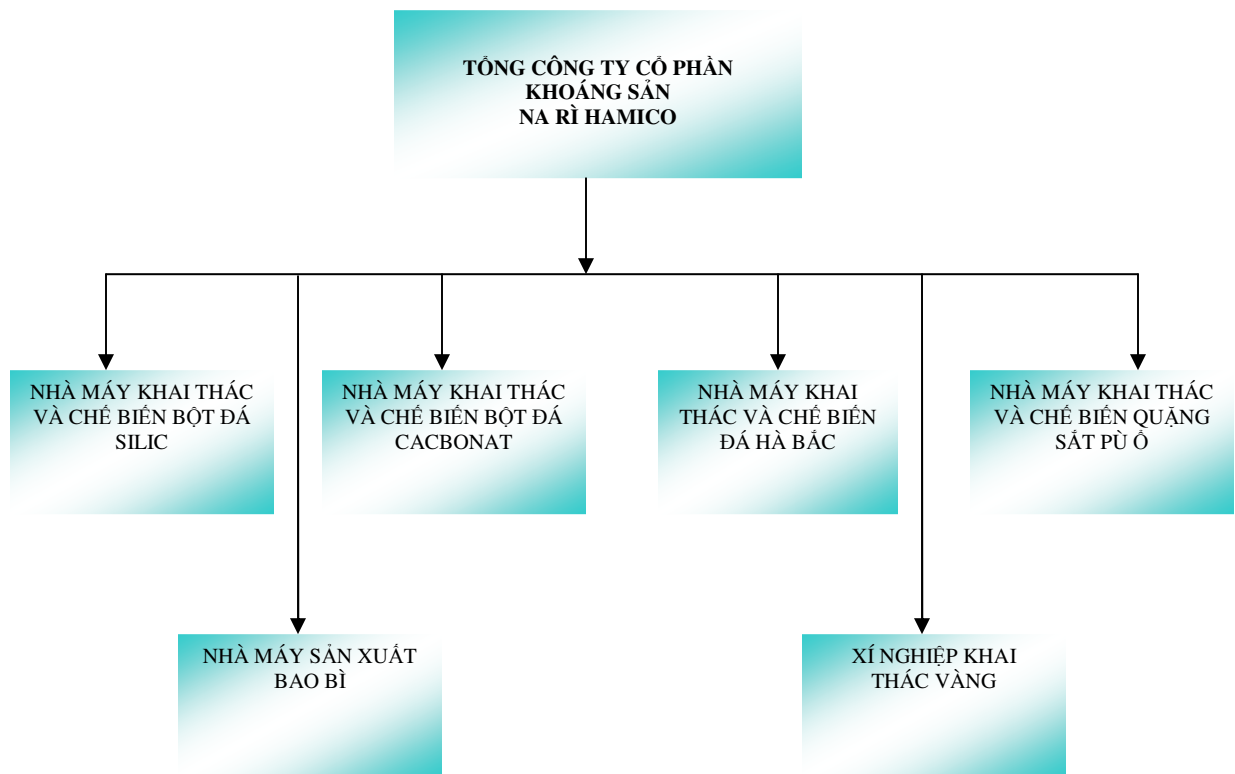
- Ý kiến kiểm toán nội bộ : không có.
- Các nhận xét đặc biệt: không có.

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Tổng công ty: không có.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Tổng công ty nắm giữ: Công ty TNHH Khoáng sản Hà Bắc: Tổng Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ, tương ứng với số vốn góp là 25 tỷ đồng.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Góp vốn vào Tổng Công ty cổ phần luyện kim Bắc Kạn 12,76% vốn điều lệ, tương ứng với số vốn phải góp là 30.400.000.000 đồng.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty



Diễn giải sơ đồ

❖ **Trụ sở chính : Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico**

Địa chỉ: Tổ 12 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

Điện thoại: 0281.3875734

Fax: 0281.3875735

❖ **Nhà máy khai thác và chế biến bột đá Silic**

Địa chỉ: thôn Bằng Lăng, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 0281.2213298

❖ **Nhà máy khai thác và chế biến bột đá Cabonat**

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn

Điện thoại: 0281.3861093

❖ **Nhà máy khai thác và chế biến đá Hà Bắc**

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn

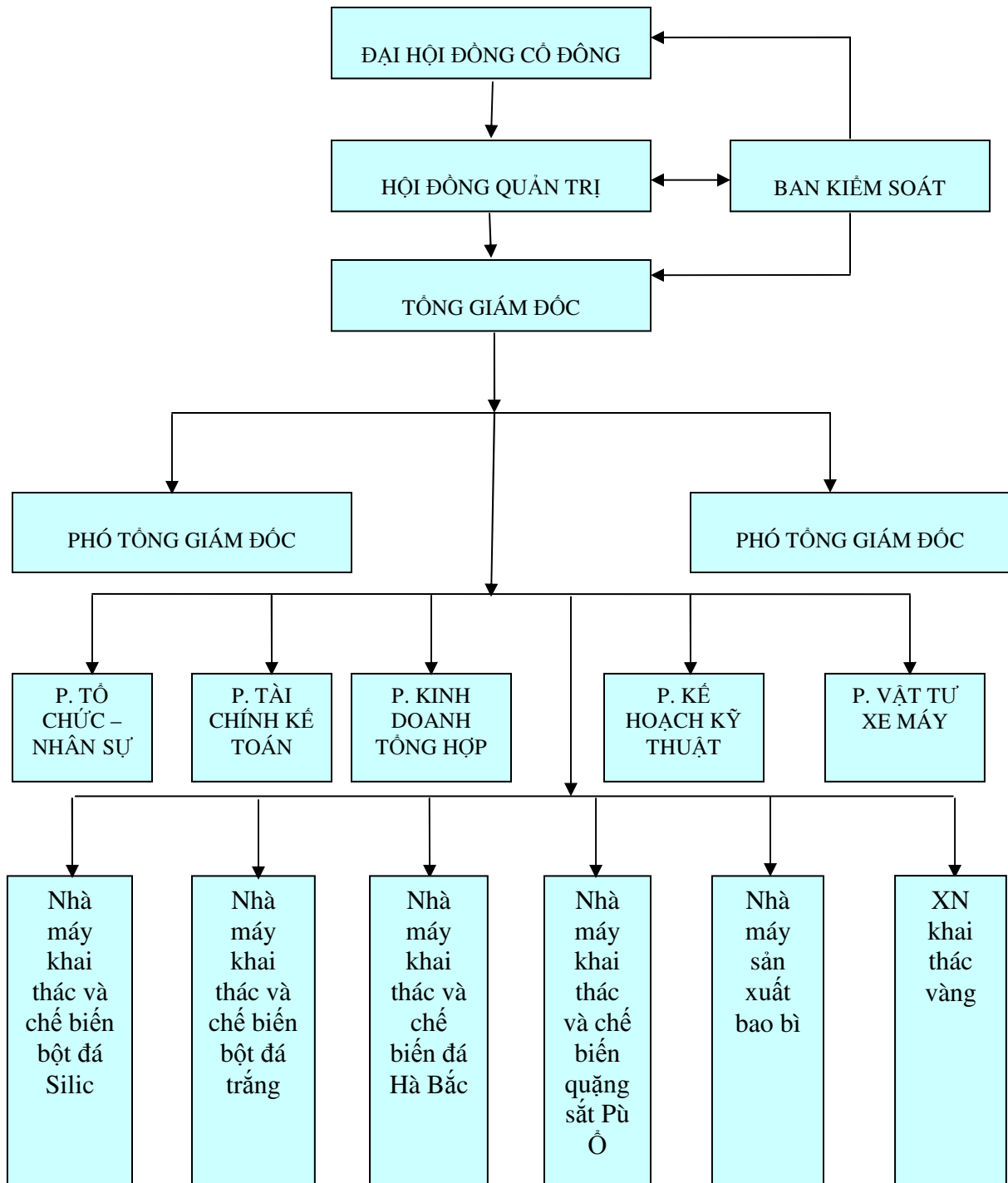
Điện thoại: 0281.3861094

❖ **Nhà máy khai thác và chế biến quặng sắt Pù Ổ**

Địa chỉ: thôn Khuổi Giang, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 0281.3882095

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty:



Diễn giải sơ đồ

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Tổng Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Tổng Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Tổng Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Tổng Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Tổng Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Tổng Công ty và tuân thủ Pháp luật.

- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Tổng Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Tổng Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Hành chính Nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Tổng Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Tổng Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Tổng Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Tổng Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Tổng Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Tổng Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Tổng Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Vật tư Xe máy

- Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Tổng Công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng tháng, hàng quý đối với từng loại thiết bị máy móc để trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đảm bảo sao cho toàn bộ các thiết bị máy móc của các nhà máy, công trường định kỳ được bảo dưỡng, vận hành tốt nhưng đồng thời phải đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.

- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Tổng Công ty.

Các đơn vị trực thuộc:

Nhà Máy khai thác và chế biến bột đá Silic

Địa chỉ: xã Thượng Quan - huyện Ngân Sơn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000002 ngày 11/04/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến là 110.000 tấn/ năm.

Chức năng chính của nhà máy:

Khai thác và chế biến tại chỗ quặng Silic thành bột Silic với kích cỡ từ 40 μ đến 70 μ , và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.

Nhà Máy khai thác và chế biến bột Cacbonat

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hoá – thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000011 ngày 28/09/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến là 100.000 tấn/ năm.

Chức năng chính của Nhà máy:

Nghiên đá Cacbonat CaCO_3 thành bột đá Cacbonat siêu mịn với cỡ hạt từ 1 μ đến 70 μ ; cỡ hạt từ 1 μ đến 5 μ có tráng phủ axit béo.

Nhà Máy khai thác và chế biến đá vôi trắng và đá kiềm

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hóa - thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp chứng nhận đầu tư số 13101000005 ngày 05/06/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy xây dựng trên diện tích 3ha với công suất chế biến đá Khối là 3.000 m³/ năm, đá xẻ tấm là 50.000 m³/ năm, bột đá vôi đóng bao là 12.000 tấn/ năm, bột đá Nephelin: 20.000 tấn/ năm, đá xoa viên là 20.000 tấn/ năm.

Chức năng chính của Nhà máy:

Khai thác, chế biến đá vôi trắng và đá kiềm dùng trong nước và xuất khẩu.

Nhà Máy khai thác và chế biến Quặng sắt Pù Ổ

Địa chỉ: xã Quảng Bạch – huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn

Được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 13101000015 ngày 14/03/2008 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 20ha với công suất chế biến là 52.500 tấn/ năm

Chức năng chính của Nhà máy:

Nghiền, tuyển nâng cao độ quặng từ quặng sắt thô thành tinh quặng Fe_2O_3 với hàm lượng TF_e sau tuyển $\geq 67\%$.

Nhà máy sản xuất bao bì

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn - xã Xuất Hoá - tỉnh Bắc Kạn

Chức năng chính của Nhà máy:

Sản xuất các loại bao bì PP, màng PP, màng bao xi măng, chỉ dù,.. phục vụ cho nhu cầu đóng gói các sản phẩm từ khai khoáng của Tổng Công ty và một phần nhỏ phục vụ thị trường trong nước.

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ông: NGUYỄN VĂN DĨNH

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/02/1965
- Chứng minh thư nhân dân : 095051981 cấp ngày 23/11/2001 tại công an Bắc Kạn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang

- Địa chỉ thường trú : Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
1987-2002	Công ty xăng dầu Bắc Thái
Từ 2002 – đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico ; Chủ tịch hiệp hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Bắc Kạn;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 2.000.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 100.000 cổ phần
 - Họ tên người có liên quan : Nguyễn Văn Dũng
 - + Quan hệ : Anh trai
 - + Số cổ phần nắm giữ : 100.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Ông : TRẦN VĂN TẠNG

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1961

- Chứng minh thư nhân dân : 121032837 cấp ngày 21/03/2005 tại công an Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Giao Phong, Giao Thủy, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : phường Ngô Quyền, tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 04/1994-12/2004	Phó phòng Kinh doanh điện năng, điện lực Bắc Giang
Từ 04/2004-03/2007	Trưởng chi nhánh điện thành phố Bắc Giang
Từ 03/2007-đến nay	Phó phòng dự án đầu tư Công ty cổ phần Hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí ; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Phó phòng dự án đầu tư Công ty cổ phần hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không

- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Ông: KIỀU CÔNG HOẠT

- Chức vụ tại Tổng Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/08/1977
- Chứng minh thư nhân dân : 095178699 cấp ngày 06/01/2009 tại công an Bắc Kạn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tổng Phan, Phù Cừ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Tổ 10, p. Phùng Chí Kiên, tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghệ Thông tin
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 10/2001-03/2004	Văn phòng đại diện Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông Thái Hà-Hà Giang tại Bắc Kạn
Từ 04/2004 đến nay	Ủy viên HĐQT, phó Tổng Giám đốc, trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty cổ phần Sơn Trang (nay là Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico)

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc theo quy chế Tổng Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2009, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Tổng Công ty là 1.150 người.

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2009
 Số lượng nhân viên	1.150
Phân theo trình độ chuyên môn	
 Trên đại học	03
 Đại học	28
 Cao đẳng, Trung cấp	194
 Khác	925
Phân theo thời hạn hợp đồng	

Yếu tố	31/12/2009
■ LD không thuộc diện ký HĐLĐ(TGĐ, PTGĐ, KTT)	07
■ Hợp đồng không xác định thời hạn	150
■ Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	137
■ Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	856

*** Chế độ làm việc:** Tổng Công ty luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể .

*** Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

+ Chính sách đào tạo

Tổng Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Tổng Công ty được thực hiện theo hướng sau:

+ Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Tổng Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

+ Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

+ Chính sách tuyển dụng: Hiện tại Tổng Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Tổng Công ty.

*** Chính sách lương**

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 2.000.000 đồng/ tháng

- Lương bình quân của khối hành chính: 3.500.000 đồng/ tháng

*** Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Tổng Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Tổng Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

*** Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Tổng Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Tổng Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Tổng Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Tổng Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao

động. Vào các ngày lễ, tết,... Tổng Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty gồm 05 thành viên do Ông Nguyễn Văn Dĩnh làm Chủ tịch, có 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 02 thành viên độc lập, cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT	Chức vụ trong Tổng Công ty
1	Ông Nguyễn Văn Dĩnh	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Văn Tạng	Ủy viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Kiều Công Hoạt	Ủy viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT	Không
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Không

Năm 2009, HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành Tổng Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các hoạt động cụ thể:

+ Triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đến Ban Tổng giám đốc và các bộ phận trong toàn Tổng Công ty;

+ Tiếp tục thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên theo từng lĩnh vực và mảng công việc cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT;

+ Sửa đổi Quy chế trả lương áp dụng đối với CBCNV toàn Tổng Công ty cho phù hợp với tình hình SXKD của Tổng Công ty và Quy định của pháp luật hiện hành ;

+ Hàng tuần HĐQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban cùng trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành

của Ban TGD nhằm điều hành hoạt động của Tổng Công ty hàng ngày theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

- + Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quý trước , xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất quý sau ;

- + Ban hành các Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Tổng Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư;

- + Chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Nội quy Tổng Công ty và cho ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban. Hướng dẫn, chỉ đạo việc bổ sung và chỉnh sửa Quy chế hoạt động tài chính của Tổng Công ty cho phù hợp với quy định của luật pháp hiện hành;

- + Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty;

- + Cùng với các kiểm toán viên của công ty kiểm toán xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2009 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- + Thông qua toàn văn nội dung bản cáo bạch, nội dung khai trương niêm yết và giao dịch cổ phiếu của KSS vào ngày 04/01/2010;

- + Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, đề xuất mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức cũng như các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát của Tổng Công ty gồm 03 thành viên. Trong đó:

- | | |
|-------------------------------------|-------------------------|
| - Trưởng ban : Ông Nguyễn Quốc Sơn | - Làm việc kiêm nhiệm. |
| - Thành viên : Ông Nguyễn Hồng Tiến | - Làm việc kiêm nhiệm . |
| - Thành viên : Bà Vũ Thị Tú | - Làm việc kiêm nhiệm . |

Trong năm 2009 Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động sau:

- + Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát; thường xuyên tổ chức họp để trao đổi kế hoạch công việc về chuyên môn nghiệp vụ giữa các thành viên Ban Kiểm soát;

- + Tham gia các buổi họp giao ban của Ban Lãnh đạo Tổng Công ty về kế hoạch kinh doanh hàng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.

- + Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp.
 - + Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
 - + Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán;
 - + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng Công ty, các bộ phận phòng ban;
 - + Thường xuyên có báo cáo gửi Hội đồng Quản trị kết quả kiểm tra, giám sát;
 - + Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung các quy định trong quy trình, quy chế để cải tiến các hoạt động của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Tổng công ty: Năm 2010, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Tổng Công ty như sau:
- + Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
 - + Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2010 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 và đạt mức tăng trưởng cao;
 - + Đổi mới chính sách lương thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
 - + Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
 - + Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
 - + Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Tổng Công ty;
- Thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền 1 tháng	Số tiền cả năm 2009	Ghi chú
1	Thù lao Thành viên HĐQT Kiêm	500.000	18.000.000	

	nhiệm (03 người)			
2	Thù lao thành viên HĐQT Không chuyên trách (02 người)	1.000.000	24.000.000	
3	Thù lao của Trưởng ban kiểm soát.	1.000.000	12.000.000	
4	Thù lao của thành viên Ban kiểm soát (02 người)	500.000	12.000.000	
	Tổng cộng		66.000.000	

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1. Công đông Nhà nước

Không có.

2.2. Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty đến thời điểm ngày 31/12/2009

TT	Cổ phần	Tỷ lệ thực góp	Số cổ phần Sở hữu (cổ phần)	Số cổ đông (người/tổ chức)	Giá trị vốn góp (đồng)
	Cổ đông là cá nhân	93,58%	11.042.000	126	110.420.000.000
	<u>Trong đó:</u>				
	Trong Tổng Công ty:	21,36%	2.520.000	3	25.200.000.000
	Ngoài Tổng Công ty:	72,22%	8.522.000	123	85.220.000.000
	Cổ đông là tổ chức (*)	6,42%	758.000	03	7.580.000.000
	Tổng cộng	100%	11.800.000	129	118.000.000.000

(Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico)

(*) :- Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamcio: nắm giữ 400.000 cp tương đương 3.39%;

- Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long: nắm giữ 100.000 cp tương đương 0.85%

- Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội: nắm giữ 258.000 cp tương đương 2.19%;

2.3. Cổ đông sáng lập tại ngày 15/12/2009

T	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng
---	---------	---------	-----------------	-----------------------	-------------

T					(%)
1	Nguyễn Văn Dĩnh	Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	095051981	2.000.000	16,95%
2	Nguyễn Xuân Mai	Tổ 24, phường Hai Bà Trưng, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	161134081	580.000	4.92%
3	Nguyễn Văn Dũng	Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	120949106	100.000	0.84%
	Tổng cộng			2.680.000	22.71%

2.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2009

T T	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Nguyễn Văn Dĩnh	Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	095051981	2.000.000	16,95%
	Tổng cộng			2.000.000	16,95%

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DĨNH